

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

**Báo cáo tài chính đã được soát xét
cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 24
Phụ lục 1: Tình hình tăng/ giảm các khoản đầu tư bị giảm giá	25
Phụ lục 2: Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước	26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP ngày 29 tháng 10 năm 2008 và các quyết định điều chỉnh do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp:

<u>Quyết định số</u>	<u>Ngày cấp</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
50/UBCK-GP	12/08/2009	Tăng vốn điều lệ
168/QĐ-UBCK	15/03/2010	Lập văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh
724/QĐ-UBCK	03/10/2011	Thay đổi, bổ sung về địa chỉ văn phòng đại diện của Công ty
16/GPĐC-UBCK	03/10/2011	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật
37/GPĐC-UBCK	19/12/2013	Thay đổi người đại diện theo pháp luật
02/GPĐC-UBCK	13/01/2014	Tăng vốn điều lệ
15/GPĐC-UBCK	23/10/2014	Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh "Tư vấn đầu tư chứng khoán".

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Công ty có văn phòng đại diện đặt tại Tầng 4, Tòa nhà Petroland (nay là Tòa nhà SCIC), 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 là quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và kinh doanh chứng khoán.

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỷ đồng Việt Nam).

Cơ cấu sở hữu của cổ đông:

<u>Tên cổ đông</u>	<u>Giá trị VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>
Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn	1.350.000.000	2,25
Ông Đặng Thành Tâm	2.060.000.000	3,43
Ông Trần Hữu Hồng Trương	9.610.000.000	16,02
Ông Trần Ngọc Diệp	32.030.000.000	53,39
Ông Vũ Quang Thịnh	4.950.000.000	8,25
Ông Lê Chí Phúc	5.000.000.000	8,33
Bà Ngô Thị Minh Tuyên	5.000.000.000	8,33
Cộng	60.000.000.000	100,00

Tại ngày 30/06/2016, tổng số nhân viên của Công ty là 17 người; trong đó, nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán là 11 người.

2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Lê Hoàng Lân	Chủ tịch	05/04/2011	30/06/2016
Ông Nguyễn Cao Hữu Trí	Chủ tịch	30/06/2016	
Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	30/06/2016	
Ông Lê Chí Phúc	Thành viên/ Tổng Giám đốc	30/06/2016	

Ban Giám đốc

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Chí Phúc	Tổng Giám đốc	06/09/2013

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty quản lý quỹ Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận, sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán công ty quản lý quỹ Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

7. Công bố các Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán công ty quản lý quỹ Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.


LÊ CHÍ PHÚC
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016



Số: 112/2016/BCSX-HCM.00617

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2016, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty quản lý quỹ Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty quản lý quỹ Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo đến khoản lỗ lũy kế tại ngày kết thúc kỳ tài chính như sau:

	30/06/2016	01/01/2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000 VND	60.000.000.000 VND
Khoản lỗ chưa phân phối	30.551.577.876 VND	27.095.631.617 VND
Chiếm tỷ lệ trên vốn đầu tư chủ sở hữu	50,92%	45,16%



BUI TUYẾT VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016

TRẦN THỊ HOÀNG YẾN
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2131-2013-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.764.846.682	33.126.180.371
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	5.859.444.733	32.486.113.387
Tiền	111		5.859.444.733	32.486.113.387
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	23.549.197.115	1.529.729
Đầu tư ngắn hạn	121		23.567.620.808	1.689.843
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(18.423.693)	(160.114)
Các khoản phải thu	130		330.703.710	513.599.774
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	4.3	325.577.777	513.599.774
Các khoản phải thu khác	135		5.125.933	-
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		25.501.124	124.937.481
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.4	14.686.312	59.284.041
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.5	10.814.812	65.653.440
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		373.848.904	463.046.932
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	-	-
Nguyên giá	222		167.080.104	288.985.351
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(167.080.104)	(288.985.351)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.7	-	-
Nguyên giá	228		111.622.819	111.622.819
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(111.622.819)	(111.622.819)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		373.848.904	463.046.932
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	112.141.224	160.173.252
Tài sản dài hạn khác	268	4.9	261.707.680	302.873.680
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		30.138.695.586	33.589.227.303

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		690.273.462	684.858.920
Nợ ngắn hạn	310		73.089.736	119.224.982
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.10	72.689.736	22.224.982
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.11	400.000	97.000.000
Nợ dài hạn	330		617.183.726	565.633.938
Dự phòng phải trả dài hạn	337	4.12	617.183.726	565.633.938
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.448.422.124	32.904.368.383
Vốn chủ sở hữu	410	4.13	29.448.422.124	32.904.368.383
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(30.551.577.876)	(27.095.631.617)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		30.138.695.586	33.589.227.303

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
Tài sản thuê ngoài	001	-	-
Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
Tài sản nhận ký cược	003	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
Ngoại tệ các loại	005		
- USD		1.000,00	1.000,00
- EUR		285,00	285,00
Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006	4.567.640.000	910.000
Trong đó:			
- Chứng khoán giao dịch	007	4.567.540.000	810.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008	100.000	100.000
- Chứng khoán cầm cố	009	-	-
- Chứng khoán tạm giữ	010	-	-
- Chứng khoán chờ thanh toán	011	-	-
- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012	-	-
- Chứng khoán chờ giao dịch	013	-	-
- Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014	-	-
- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015	-	-
Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020	-	-
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	132.885.883	62.823.591.722
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031 4.14.1	132.885.883	62.823.591.722
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032	-	-
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	410.616.626.488	322.000.289.938
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041 4.14.2	410.616.626.488	322.000.289.938
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042	-	-
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	-	-
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051 4.14.3	28.172.136.738	529.699.781


CAO THỊ KIM NHÀN
 Người lập biểu


CAO THỊ KIM NHÀN
 Kế toán trưởng


LÊ CHÍ PHÚC
 Tổng Giám đốc
 Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Doanh thu	01		1.259.894.130	1.200.491.764
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	1.259.894.130	1.200.491.764
Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
Lợi nhuận gộp	20		1.259.894.130	1.200.491.764
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.2	1.090.385.823	5.142.812.868
Chi phí tài chính	22	5.3	1.583.943.202	74.630.018
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.4	4.133.747.062	3.620.395.944
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(3.367.410.311)	2.648.278.670
Thu nhập khác	31	5.5	1.450.000	-
Chi phí khác	32	5.6	89.985.948	-
Lợi nhuận khác	40		(88.535.948)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.455.946.259)	2.648.278.670
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.455.946.259)	2.648.278.670
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	(576)	441



CAO THỊ KIM NHÀN
Người lập biểu



CAO THỊ KIM NHÀN
Kế toán trưởng



LÊ CHÍ PHÚC
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Mã số	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	25.745.363.127	45.495.211.760
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(104.451.610.678)	(37.973.045.775)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.458.725.889)	(2.213.149.400)
Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	55.110.667.381	256.050.960
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(795.325.430)	(558.614.577)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(26.849.631.489)	5.006.452.968
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	1.450.000	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	221.512.835	25.526.288
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	222.962.835	25.526.288
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(26.626.668.654)	5.031.979.256
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	32.486.113.387	5.655.008.796
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(135.479)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	5.859.444.733	10.686.852.573


CAO THỊ KIM NHÀN
Người lập biểu

CAO THỊ KIM NHÀN
Kế toán trưởng

LÊ CHÍ PHÚC
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
	01/01/2015		6 tháng đầu năm 2015		6 tháng đầu năm 2016		30/06/2015	
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	(28.543.162.106)	(27.095.631.617)	2.648.278.670	-	(3.455.946.259)	-	(25.894.883.436)	(30.551.577.876)
CỘNG	31.456.837.894	32.904.368.383	2.648.278.670	-	(3.455.946.259)	-	34.105.116.564	29.448.422.124


CAO THỊ KIM NHÀN
Người lập biểu


CAO THỊ KIM NHÀN
Kế toán trưởng




LÊ CHÍ PHÚC
Tổng Giám đốc
Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư SGI ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/UBCK-GP ngày 29 tháng 10 năm 2008 và các quyết định điều chỉnh do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp:

<u>Quyết định số</u>	<u>Ngày cấp</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
50/UBCK-GP	12/08/2009	Tăng vốn điều lệ
168/QĐ-UBCK	15/03/2010	Lập văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh
724/QĐ-UBCK	03/10/2011	Thay đổi, bổ sung về địa chỉ văn phòng đại diện của Công ty
16/GPĐC-UBCK	03/10/2011	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật
37/GPĐC-UBCK	19/12/2013	Thay đổi người đại diện theo pháp luật
02/GPĐC-UBCK	13/01/2014	Tăng vốn điều lệ
15/GPĐC-UBCK	23/10/2014	Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh "Tư vấn đầu tư chứng khoán".

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Công ty có văn phòng đại diện đặt tại Tầng 4, Tòa nhà Petroland (nay là Tòa nhà SCIC), 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 là quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và kinh doanh chứng khoán.

Tổng số nhân viên tại ngày kết thúc kỳ tài chính:

	30/06/2016	31/12/2015
Tổng số nhân viên	17 người	17 người
Trong đó: nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán	11 người	11 người

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo:

- Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Quyết định 15/2006/QĐ-BTC;
- Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC thay thế Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009, nhưng không điều chỉnh hay thay thế Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011. Hiện nay Công ty vẫn đang trình bày Báo cáo tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 125/2011/TT-BTC và sẽ thay đổi việc trình bày Báo cáo tài chính khi có hướng dẫn cụ thể thay thế cho Thông tư 125/2011/TT-BTC.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND").

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các Báo cáo tài chính.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua tiền mặt do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hồ Chí Minh công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết: là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán;
- Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán đăng ký giao dịch tại UPCom;

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

- Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế có giao dịch tại thời điểm gần nhất nhưng không quá 1 tháng tính đến thời điểm trích lập dự phòng theo báo giá của 3 công ty chứng khoán đối với chứng khoán chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất đối với các chứng khoán niêm yết bị hủy hay bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các Báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị quản lý

03 năm

3.7 Tài sản cố định vô hình

Bản quyền phần mềm được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

3.8 Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc của Công ty được áp dụng cho các nhân sự đã làm việc tại công ty trên 12 tháng (tính cả thời gian thử việc). Cứ mỗi 12 tháng làm việc cho Công ty, người lao động sẽ được trợ cấp 30% tổng mức lương và 100% thưởng KPI trung bình của 6 tháng gần nhất. Nếu số tháng làm việc không chia hết cho 12, số tháng dư sau khi chia cho 12 sẽ được làm tròn như sau: dưới 6 tháng sẽ làm tròn là 0 tháng và trên 6 tháng sẽ làm tròn là 12 tháng. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập theo Quy chế lương của Công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua tại Quyết định số 03/2016/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 01 năm 2016.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

3.9 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán và lãi tiền gửi

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán và lãi tiền gửi được ghi nhận khi thu nhập phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi thu nhập đầu tư chứng khoán và tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	36.659.730	25.618.393
Tiền mặt tồn quỹ - ngoại tệ	29.353.505	29.353.505
Tiền gửi ngân hàng - VND	5.793.431.498	32.431.141.489
	5.859.444.733	32.486.113.387

Chi tiết số dư tiền mặt tồn quỹ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt tồn quỹ		
USD	1.000,00	22.430.000
EUR	285,00	6.923.505
		29.353.505

4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Cổ phiếu niêm yết		
• Khoản đầu tư bị giảm giá/ rủi ro	1.259.815.893	609.914
• Khoản đầu tư không bị giảm giá/ rủi ro	22.307.804.915	1.079.929
	23.567.620.808	1.689.843
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(18.423.693)	(160.114)
	23.549.197.115	1.529.729

Tình hình tăng/ giảm các khoản đầu tư bị giảm giá – xem Phụ lục 1 trang 25.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

4.3 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	325.577.777	214.529.824
Phải thu phí thường hợp đồng	-	299.069.950
	325.577.777	513.599.774

4.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	14.686.312	59.284.041
	14.686.312	59.284.041

4.5 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tạm ứng	10.814.812	65.653.440
	10.814.812	65.653.440

4.6 Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Vào ngày 01/01/2016	288.985.351	288.985.351
Thanh lý trong kỳ	(121.905.247)	(121.905.247)
Vào ngày 30/06/2016	167.080.104	167.080.104
Giá trị hao mòn lũy kế		
Vào ngày 01/01/2016	288.985.351	288.985.351
Thanh lý trong kỳ	(121.905.247)	(121.905.247)
Vào ngày 30/06/2016	167.080.104	167.080.104
Giá trị còn lại		
Vào ngày 01/01/2016	-	-
Vào ngày 30/06/2016	-	-
Trong đó:		
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	167.080.104	167.080.104

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

4.7 Tài sản cố định vô hình

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phần mềm máy tính		
• Nguyên giá	111.622.819	111.622.819
• Khấu hao lũy kế	(111.622.819)	(111.622.819)
• Giá trị còn lại	-	-
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý	111.622.819	111.622.819
Trong kỳ, không có tăng/ (giảm) tài sản cố định vô hình.		

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	59.258.349	86.137.227
Chi phí bảo hiểm	52.882.875	74.036.025
	112.141.224	160.173.252

4.9 Tài sản dài hạn khác

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Ký quỹ - thuê văn phòng	233.707.680	292.873.680
Ký quỹ - thẻ taxi	28.000.000	10.000.000
	261.707.680	302.873.680

4.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Thuế thu nhập cá nhân	72.689.736	22.224.982
	72.689.736	22.224.982

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.11 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả khác	400.000	97.000.000
	400.000	97.000.000

4.12 Dự phòng phải trả dài hạn

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	617.183.726	565.633.938
	617.183.726	565.633.938

4.13 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 01 năm 2014 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp:

- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VND.
- Vốn góp thực tế tại ngày 30 tháng 6 năm 2016: 60.000.000.000 VND.

Trong đó:

	30/06/2016		01/01/2016	
	Tỷ lệ %	Số tiền VND	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn	2,25	1.350.000.000	2,25	1.350.000.000
Ông Đặng Thành Tâm	3,43	2.060.000.000	3,43	2.060.000.000
Ông Trần Hữu Hồng Trương	16,02	9.610.000.000	16,02	9.610.000.000
Ông Trần Ngọc Diệp	53,39	32.030.000.000	53,39	32.030.000.000
Ông Vũ Quang Thịnh	8,25	4.950.000.000	8,25	4.950.000.000
Ông Lê Chí Phúc	8,33	5.000.000.000	8,33	5.000.000.000
Bà Ngô Thị Minh Tuyền	8,33	5.000.000.000	8,33	5.000.000.000
	100,00	60.000.000.000	100,00	60.000.000.000

4.14 Chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

4.14.1 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Số đầu năm	62.823.591.722	2.988.654.746
Số tăng trong kỳ/năm	92.497.686.509	90.609.217.793
Số giảm trong kỳ/năm	(155.188.392.348)	79.138.126.033
Số dư cuối kỳ/năm	132.885.883	14.459.746.506

4.14.2 Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước – xem Phụ lục 2 trang 26.

4.14.3 Các khoản phải trả nhà đầu tư ủy thác

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả tiền mua chứng khoán	27.792.548.444	-
Phải trả lãi vay	37.445.350	-
Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư	325.577.777	214.529.824
Phải trả phí thưởng hợp đồng	-	299.069.950
Phải trả phí ngân hàng lưu ký	16.565.167	16.100.007
	28.172.136.738	529.699.781

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	1.259.894.130	1.200.491.764
	1.259.894.130	1.200.491.764

5.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	221.477.175	25.454.788
Lãi đầu tư tài chính	868.872.988	5.117.286.580
Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.660	71.500
	1.090.385.823	5.142.812.868

5.3 Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	1.525.566.502	318.083.800
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	18.263.579	(313.765.600)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	135.479
Chi phí tài chính khác	40.113.121	70.176.339
	1.583.943.202	74.630.018

5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	2.794.970.442	2.506.892.419
Chi phí đồ dùng văn phòng	91.489.607	72.404.086
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	95.383.538	-
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.037.470.451	999.413.384
Các chi phí khác	111.433.024	38.686.055
	4.133.747.062	3.620.395.944

5.5 Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Thanh lý tài sản cố định	1.450.000	-
	1.450.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

5.6 Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Truy thu thuế và phạt hành chính	89.985.948	-
	89.985.948	-

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.455.946.259)	2.648.278.670
Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm		
- Chi phí không được khấu trừ	136.648.499	51.630.500
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(35.660)	(71.500)
- Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	135.479
Thu nhập chịu thuế	(3.319.333.420)	2.699.973.149
Chuyển lỗ các năm trước	-	(2.699.973.149)
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ tính thuế này được trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm sau và thời gian chuyển lỗ không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.

5.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(3.455.946.259)	2.648.278.670
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.455.946.259)	2.648.278.670
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	(576)	441

6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các Báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

6.1 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được xác định theo giá thị trường.

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/06/2016		31/12/2015		30/06/2016	31/12/2015
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	VND	VND
	VND	VND	VND	VND		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.859.444.733	-	32.486.113.387	-	5.859.444.733	32.486.113.387
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	23.567.620.808	18.423.693	1.689.843	160.114	23.549.197.115	1.529.729
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	325.577.777	-	513.599.774	-	325.577.777	513.599.774
Các khoản phải thu khác	5.125.933	-	-	-	5.125.933	-
Tổng cộng	29.757.769.251	18.423.693	33.001.403.004	160.114	29.739.345.558	33.001.242.890
Nợ phải trả tài chính						
Các khoản phải trả, phải nộp khác	400.000	-	97.000.000	-	400.000	97.000.000
Tổng cộng	400.000	-	97.000.000	-	400.000	97.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

6.2 Quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro ngoại tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán.

Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng (nhà đầu tư ủy thác).

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2016			
Các khoản phải trả, phải nộp khác	400.000	-	400.000
	400.000	-	400.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Các khoản phải trả, phải nộp khác	97.000.000	-	97.000.000
	97.000.000	-	97.000.000

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá. Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn, cũng không bị giảm giá.

Công ty có nhóm tài sản tài chính giảm giá trị tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính này như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Quá hạn VND	Giảm giá VND
Tài sản tài chính			
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	23.567.620.808	-	(18.423.693)

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

Các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Tiền lương và các khoản tính theo lương (lương gộp) của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	506.800.000	537.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

7.2 Văn phòng đại diện

Địa chỉ văn phòng đại diện mới của Công ty tại Lầu 3A, Tòa nhà TNG Global, 12 Phạm Đình Toái, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty đang làm thủ tục thay đổi địa chỉ văn phòng đại diện.

7.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



CAO THỊ KIM NHÀN
Người lập biểu



CAO THỊ KIM NHÀN
Kế toán trưởng



LÊ CHÍ PHÚC
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Phụ lục 1: Tình hình tăng/ giảm các khoản đầu tư bị giảm giá

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

CHỈ TIÊU	Giá trị đầu tư				So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá trị thị trường	
	30/06/2016		01/01/2016		30/06/2016		01/01/2016		30/06/2016	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết										
HAG	170.000	1.259.205.980	-	-	-	(18.205.980)	-	-	1.241.000.000	-
HVG	20	279.419	17	279.419	-	(87.419)	-	(55.019)	192.000	224.400
PVF	10	111.166	10	111.167	-	(69.166)	-	(69.167)	42.000	42.000
STB	14	219.328	14	219.328	-	(61.128)	-	(35.928)	158.200	183.400
CỘNG	170.044	1.259.815.893	41	609.914	-	(18.423.693)	-	(160.114)	1.241.392.200	449.800


CAO THỊ KIM NHÂN
Người lập biểu


CAO THỊ KIM NHÂN
Kế toán trưởng



LÊ CHÍ PHÚC
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Phòng 601, Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Phụ lục 2: Danh mục đầu tư của nhà đầu tư uỷ thác trong nước

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

CHỈ TIÊU	30/06/2016			01/01/2016				
	Số lượng	Giá trị đầu tư VND	Giá trị thị trường VND	Tăng/ (giảm) VND	Số lượng	Giá trị đầu tư VND	Giá trị thị trường VND	Tăng/ (giảm) VND
Cổ phiếu niêm yết								
HAG	345.230	2.556.805.315	2.520.179.000	(36.626.315)	-	-	-	-
HNG	100.000	762.318.236	810.000.000	47.681.764	5	57.200	69.500	12.300
HSG	-	-	-	-	2	86.600	63.000	(23.600)
KBC	21.466.667	322.000.000.000	332.733.338.500	10.733.338.500	21.466.667	322.000.000.000	281.213.337.700	(40.786.662.300)
MBB	-	-	-	-	7	105.538	102.200	(3.338)
MWG	706.150	67.124.746.317	86.856.450.000	19.731.703.683	-	-	-	-
PNJ	241.590	14.986.781.504	18.602.430.000	3.615.648.497	-	-	-	-
QCG	205.290	1.076.119.763	964.863.000	(111.256.763)	-	-	-	-
TCM	-	-	-	-	-	-	-	-
VCB	50.000	2.109.855.354	2.365.000.000	255.144.646	2	40.600	61.600	21.000
CỘNG	23.114.927	410.616.626.488	444.852.260.500	34.235.634.012	21.466.683	322.000.289.938	281.213.634.000	(40.786.655.938)

CAO THỊ KIM NHẬN
Người lập biểu

Người lập biểu

CAO THỊ KIM NHẬN
Kế toán trưởng

Kế toán trưởng

LÊ CHÍ PHÚC
Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016